

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo
số 93/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 133/2025/QH15 và Luật số
148/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và
hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về
đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng
tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp
sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng
lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, quy định thẩm quyền công nhận tổ chức,
cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;*

*Ủy ban nhân dân Quyết định Quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung
tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Đồng Nai.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm Đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, quy định thẩm quyền công nhận tổ chức, cá nhân đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở thành phố;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có nhu cầu đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh;

c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật

Tiêu chí về hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Đồng Nai gồm 03 thành phần:

1. Bộ chỉ số về không gian làm việc và kết nối (phụ lục I kèm theo);
2. Bộ chỉ số về hạ tầng số và dữ liệu (phụ lục II kèm theo);
3. Bộ chỉ số về tiện ích và dịch vụ dùng chung (phụ lục III kèm theo).

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền và triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh dựa trên tiêu chí theo quy định tại Điều 2 Quyết định này; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định cấp Giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh theo đúng quy định tại Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Khoa học và Công nghệ);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;
- Chánh, các PCVP UBND thành phố;
- Lưu: VT, KGVX (2/bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Sơn

Phụ lục I
BỘ CHỈ SỐ VỀ KHÔNG GIAN LÀM VIỆC VÀ KẾT NỐI
(Kèm theo Quyết định số 90 /2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026
của UBND thành phố)

STT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Diện tích mặt bằng làm việc cho các chức danh của Trung tâm: <i>Không gian bố trí các phòng làm việc cho nhân viên của Trung tâm</i>	- Bảo đảm diện tích làm việc tối thiểu 02 m²/người; đáp ứng quy mô tối thiểu 15 người làm việc thường xuyên; việc bố trí không gian làm việc bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh. - Khu vực này thiết kế mở theo mô hình quản trị đổi mới sáng tạo.
2	Diện tích mặt bằng sử dụng cho phòng hội thảo: <i>Không gian phòng hội thảo phải được trang bị hệ thống trình chiếu, âm thanh, ánh sáng và các thiết bị cần thiết khác</i>	Có tối thiểu 01 hội trường sức chứa tối thiểu 30 chỗ ngồi phục vụ hội nghị, hội thảo, đào tạo, kết nối trực tuyến. Không gian này được bố trí hạ tầng kỹ thuật như trang bị hệ thống trình chiếu, âm thanh, ánh sáng và các thiết bị cần thiết khác (<i>Hệ thống dịch thuật cabin đa kênh tự động bằng AI, hệ thống trình chiếu 3D Hologram phục vụ cho các hội nghị công nghệ lớn, hoạt động kết nối đầu tư (Pitching day), ngày hội khởi nghiệp và các thiết bị khác</i>).
3	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian tư vấn: <i>Khu làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp và các chủ thể khác trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.</i>	Có tối thiểu 02 phòng làm việc phục vụ tiếp khách, làm việc, mỗi phòng chứa được tối thiểu 05 người đảm bảo tính riêng tư, dành riêng cho đại diện các tổ chức, cá nhân, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư, startup và các tổ chức định giá tài sản số.
4	Diện tích mặt bằng sử dụng cho khu làm việc chung: <i>Không gian làm việc chung với diện tích phù hợp, bố trí linh hoạt cho cá nhân, nhóm cá nhân và doanh nghiệp khởi nghiệp sử dụng, đáp ứng tối thiểu chỗ làm việc đồng thời theo mục tiêu và</i>	Bảo đảm diện tích tối thiểu 100 m²; bố trí linh hoạt phục vụ hoạt động làm việc chung, trao đổi chuyên môn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo. Đáp ứng vị trí làm việc đồng thời cho các nhóm khởi nghiệp sơ khai, cá nhân nghiên cứu tự do và các chuyên gia độc lập. Thiết kế không gian làm việc chung đảm bảo tích hợp các tiện ích văn

	<i>kết quả hoạt động dự kiến của Trung tâm.</i>	phòng chia sẻ như: Máy in ấn 3D, phòng họp nhỏ kỹ thuật số và các thiết bị khác.
5	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ	Không gian này bố trí ở tầng trệt của tòa nhà Trung tâm bảo đảm diện tích tối thiểu 100 m ² ; đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động trình diễn, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, công nghệ, giải pháp đổi mới sáng tạo; ưu tiên bố trí không gian phục vụ các lĩnh vực công nghệ, sản phẩm chủ lực ưu tiên phát triển của địa phương và phân chia thành các khu vực như: Khu trải nghiệm thực tế; Khu trưng bày các công nghệ, thiết bị, sản phẩm; Khu vực trình diễn và các giải pháp khoa học kỹ thuật cho doanh nghiệp phát triển nhằm kích thích kết nối cung - cầu công nghệ.
6	Diện tích mặt bằng sử dụng cho không gian ươm tạo	Đây là khu vực riêng phục vụ hoạt động hỗ trợ, ươm tạo, tiền ươm tạo và tăng tốc khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm khả năng đáp ứng tối thiểu từ 03 nhóm dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động đồng thời; có diện tích linh hoạt hoặc được bố trí tương đương phù hợp với quy mô hoạt động thực tế; đồng thời có thể cho thuê có thời hạn đối với các doanh nghiệp đã qua giai đoạn tăng tốc và các bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) vệ tinh của các tập đoàn công nghệ lớn để cùng phối hợp làm việc. Diện tích tối thiểu đáp ứng cho nhóm 05 người làm việc
7	Diện tích mặt bằng khác (nếu cần)	Khuyến khích bố trí các không gian hỗ trợ phục vụ hoạt động chung của Trung tâm như khu sinh hoạt cộng đồng, khu tiếp khách, không gian truyền thông, khu hỗ trợ làm việc ngắn hạn, mảng xanh và kết nối như hành lang, giếng trời đón ánh sáng tự nhiên, khu cà phê khởi nghiệp và không gian thư giãn xanh giúp kích thích tư duy sáng tạo.

Phụ lục II
BỘ CHỈ SỐ VỀ HẠ TẦNG SỐ VÀ DỮ LIỆU
(Kèm theo Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố)

STT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Kết nối Internet tốc độ cao	Hạ tầng băng thông rộng và kết nối không dây: Bảo đảm kết nối Internet tốc độ cao với băng thông tối thiểu 1 Gbps và khả năng mở rộng lên 10 Gbps kết hợp mạng không dây thế hệ mới WiFi phủ sóng toàn bộ khu vực hoạt động của Trung tâm; có phương án dự phòng bảo đảm duy trì kết nối ổn định phục vụ hoạt động chuyên môn, hội nghị, hội thảo và kết nối trực tuyến.
2	Hệ thống mạng kết nối thông tin phục vụ hoạt động của Trung tâm	Có hệ thống mạng nội bộ (LAN/WAN) được thiết lập đồng bộ, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và vận hành hoạt động của Trung tâm; bảo đảm phân vùng mạng phù hợp giữa hệ thống quản trị nội bộ và khu vực sử dụng chung nhằm đáp ứng yêu cầu an toàn thông tin theo quy định.
3	Hệ thống lưu trữ dữ liệu (có máy chủ hoặc lưu trữ đám mây)	Có hệ thống lưu trữ dữ liệu thông qua máy chủ, nền tảng điện toán đám mây hoặc giải pháp tương đương; bảo đảm khả năng sao lưu, phục hồi dữ liệu định kỳ, duy trì hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu của trung tâm. Có liên kết xây dựng cụm máy chủ tính toán hiệu năng cao (HPC) phục vụ nghiên cứu, hỗ trợ tối đa cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp địa phương phát triển, huấn luyện các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) tiếng Việt hoặc chạy các phần mềm mô phỏng thiết kế chip bán dẫn (EDA Tools) bản quyền.
4	Triển khai cơ sở dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo	
4.1	Cơ sở dữ liệu chuyên gia	Có cơ sở dữ liệu chuyên gia và nhân tài công nghệ trong nước, quốc tế phục vụ hoạt động tư vấn, đào tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cơ sở dữ liệu chuyên gia và nhân tài công nghệ phải quản lý hồ sơ, năng lực cốt lõi của các chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ tra cứu nhanh; thông tin được cập nhật, quản lý và khai thác thường xuyên theo nhu cầu thực tiễn.

4.2	Cơ sở dữ liệu công nghệ	Có cơ sở dữ liệu về công nghệ, giải pháp công nghệ sẵn sàng chuyển giao; nhu cầu công nghệ và công nghệ ưu tiên phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển doanh nghiệp; bảo đảm khả năng tra cứu, cập nhật và khai thác phục vụ tổ chức, cá nhân có nhu cầu.
4.3	Cơ sở dữ liệu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, mô hình kinh doanh mới, mô hình kinh doanh số	Có khả năng kết nối, truy cập hoặc khai thác các cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế liên quan đến sở hữu trí tuệ, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh và mô hình kinh doanh mới phục vụ hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa sản phẩm; cho phép doanh nghiệp tra cứu nhanh tình trạng bảo hộ của các giải pháp kỹ thuật trong và ngoài nước.
4.4	Cơ sở dữ liệu tư liệu, tài liệu chuyên môn	Có kho dữ liệu số hoặc hệ thống lưu trữ tài liệu chuyên môn dùng chung phục vụ công tác nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, kết nối và hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo; bảo đảm khả năng tra cứu, chia sẻ và khai thác hiệu quả
5	Khả năng chuẩn hoá dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Dữ liệu được xây dựng, quản lý và chuẩn hóa bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ và đồng bộ với dữ liệu Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia theo quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
6	Khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia	Bảo đảm khả năng kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hệ thống thông tin có liên quan của địa phương theo quy định hiện hành.
7	Khả năng truy cập vào các thư viện số về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong và ngoài nước	Có khả năng truy cập, khai thác thường xuyên hoặc thông qua hợp tác, liên kết đối với các thư viện số, cơ sở dữ liệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và sở hữu trí tuệ trong nước, quốc tế phục vụ hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.
8	Khả năng tiếp cận hạ tầng tính toán hiệu năng cao để hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo triển khai các mô hình kinh doanh số	Có khả năng tiếp cận, kết nối hoặc khai thác hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao hoặc nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh số của tổ chức, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khi có nhu cầu.

9	Hạ tầng hỗ trợ làm việc từ xa (nếu có)	Bố trí hạ tầng hỗ trợ làm việc từ xa, họp trực tuyến, chia sẻ tài liệu và quản trị công việc trên môi trường số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và kết nối hoạt động chuyên môn.
10	Các nền tảng số dùng chung đã triển khai	Có các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, vận hành và hỗ trợ hoạt động của Trung tâm như quản lý cơ sở dữ liệu, quản lý tổ chức, cá nhân tham gia hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, quản lý sự kiện, đào tạo, tư vấn hoặc các nền tảng phục vụ công tác điều hành khác phù hợp với điều kiện thực tế.
11	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo	Khuyến khích ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác dữ liệu, hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu, truyền thông, kết nối hệ sinh thái và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phù hợp với điều kiện thực tế và quy định pháp luật.
12	Hệ thống thông tin được xác định và phê duyệt cấp độ an toàn	Hệ thống thông tin của Trung tâm được xác định cấp độ an toàn và phê duyệt theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.
13	Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ đã được phê duyệt	Thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt; bảo đảm duy trì hoạt động ổn định, an toàn trong quá trình khai thác, vận hành.
14	Hệ thống thông tin được triển khai giám sát an ninh mạng và cài đặt đầy đủ phần mềm phòng chống mã độc tập trung (nếu có)	Có giải pháp giám sát an toàn thông tin mạng, phòng chống mã độc tập trung hoặc giải pháp tương đương phù hợp với quy mô, yêu cầu vận hành của hệ thống thông tin và quy định hiện hành.
15	Hệ thống thông tin đã ban hành đầy đủ các phương án ứng cứu xử lý sự cố an ninh mạng	Ban hành và tổ chức thực hiện phương án ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin mạng; xác định đầu mối phối hợp và quy trình xử lý nhằm bảo đảm khả năng ứng phó, khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống thông tin. Áp dụng giải pháp tường lửa thế hệ mới, công nghệ mã hóa dữ liệu đầu cuối. Toàn bộ kiến trúc thông tin đạt chứng nhận an toàn thông tin theo quy định, tiêu chuẩn Việt Nam, có phương án phòng chống mã độc tự động ngăn chặn hoàn toàn các cuộc tấn công DDoS và đánh cắp dữ liệu nghiên cứu và phát triển (R&D) của doanh nghiệp.

Phụ lục III
BỘ CHỈ SỐ VỀ TIỆN ÍCH VÀ DỊCH VỤ DÙNG CHUNG
(Kèm theo Quyết định số 90/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố)

STT	Chỉ số	Tiêu chí quy định
1	Phòng thí nghiệm dùng chung <i>(Bao gồm danh mục các trang thiết bị cho mục đích thí nghiệm theo ngành, lĩnh vực)</i>	Có phòng thí nghiệm dùng chung (Shared Lab) chuyên sâu hoặc có cơ chế hợp tác, liên kết khai thác, sử dụng phòng thí nghiệm của cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhằm phục vụ hoạt động nghiên cứu, thực nghiệm, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, sản phẩm đổi mới sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
2	Phòng thử nghiệm dùng chung <i>(Bao gồm danh mục các trang thiết bị cho mục đích thí nghiệm theo ngành, lĩnh vực)</i>	Có phòng thử nghiệm dùng chung (Shared Fab/Sandbox Space) hoặc có cơ chế phối hợp, liên kết khai thác cơ sở thử nghiệm phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá, thử nghiệm sản phẩm, công nghệ, giải pháp kỹ thuật mới của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo. Phòng thử nghiệm dùng chung (Shared Fab/Sandbox Space) để các doanh nghiệp, cá nhân, nhà nghiên cứu đến cùng chia sẻ kinh phí để nghiên cứu, hiện thực hóa ý tưởng từ bản vẽ thiết kế thành các sản phẩm mẫu (Prototype) và kiểm thử sản phẩm mới để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D).
3	Trang thiết bị dùng chung	Có trang thiết bị dùng chung phục vụ hoạt động chuyên môn của Trung tâm, bao gồm thiết bị công nghệ thông tin, trình chiếu, hội nghị trực tuyến, trình diễn công nghệ, sản xuất nội dung số, đào tạo, tư vấn và các thiết bị cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu hoạt động thực tế.
4	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với phòng thí nghiệm dùng chung (nếu có)	Phòng thí nghiệm dùng chung (nếu có) bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện vận hành và quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn chuyên ngành có liên quan. Phòng thí nghiệm dùng chung (Shared Lab) chuyên sâu được định hướng lấy chứng nhận

		đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế ISO/IEC 17025 để kết quả đo kiểm được công nhận toàn cầu.
5	Sự tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng đối với trung tâm thử nghiệm dùng chung (nếu có)	Trung tâm thử nghiệm dùng chung (nếu có) bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật hiện hành phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn.
6	Trang thiết bị hỗ trợ hành chính tại trung tâm (máy in, máy scan, máy chiếu, máy tính, màn hình, âm thanh và các thiết bị khác)	Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, điều hành, hội họp, đào tạo, hội nghị, hội thảo và hỗ trợ hoạt động chuyên môn của trung tâm; bảo đảm khả năng khai thác, sử dụng dùng chung hiệu quả, tiết kiệm và phù hợp với quy mô hoạt động.
7	Trang thiết bị cần thiết để cung cấp dịch vụ sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và hỗ trợ cần thiết khác.	Có hoặc bảo đảm khả năng tiếp cận, liên kết, khai thác trang thiết bị, công cụ, nền tảng kỹ thuật và nguồn lực cần thiết phục vụ việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc và các hoạt động hỗ trợ đổi mới sáng tạo khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
8	Tiện ích phụ trợ khác (nếu có)	Bố trí các tiện ích phụ trợ phục vụ hoạt động của Trung tâm như không gian đào tạo chuyên đề, khu sinh hoạt cộng đồng, không gian truyền thông số, khu tiếp đón, làm việc với chuyên gia, nhà đầu tư, tổ chức trong nước và quốc tế và các tiện ích hỗ trợ khác phù hợp với điều kiện thực tế.